

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 6 - 2024

(V/v: (V/v: Tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng và ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số 250/2024/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến

rạn nứt tình cảm, mục đích của hôn nhân theo chị **N** là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau xây dựng và nuôi dạy con cái lớn khôn trưởng thành không đạt được, đời sống chung ngày càng tù túng, ngột ngạt dẫn đến việc sống ly thân nhau từ ba năm nay. Chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn S**.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Nguyễn Băng B**, sinh ngày 17/8/2010 và cháu **Nguyễn Bảo Á**, sinh ngày 13/12/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng với chị **N**, do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị **N** có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu **Nguyễn Băng B**, **Nguyễn Bảo Á** và không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh **Nguyễn Văn S** vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và tiến hành hoà giải được.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Văn S** đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **Đ**. Sau khi kết hôn, vợ chồng có hai con chung là cháu **Nguyễn Băng B**, sinh năm 2010 và cháu **Nguyễn Bảo Á**, sinh năm 2016; thời gian trước đây gia đình cư trú tại xóm **P**, xã **Đ**, huyện **Y**. Việc chị **N** và anh **S** phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không nắm rõ tuy nhiên xác định được lâu nay chị **N** và hai con chung chuyển về sinh sống tại xóm **P**, xã **Đ**, huyện **Y**. Cả hai cháu **Nguyễn Băng B** và **Nguyễn Bảo Á** đều do chị **N** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết đúng vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị N**, cho chị **N** được ly hôn anh **Nguyễn Văn S**; Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Băng B**, sinh ngày 17/8/2010 và cháu **Nguyễn Bảo Á**, sinh ngày 13/12/2016 cho chị **Nguyễn Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **S** do chị **N** không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị **N** không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: chị **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn S có địa chỉ thường trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập nguyên đơn, bị đơn để lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; những lần triệu tập bị đơn đều vắng mặt nên không thống nhất được về nội dung giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, có 02 con chung. Nhưng thời gian sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; tình cảm vợ chồng không đồng thuận dẫn đến cuộc sống gia đình tù túng, ngột ngạt. Tòa án đã kiên trì phân tích hậu quả của việc ly hôn nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn và khẳng định tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S. Như vậy, đánh giá tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thấy cần cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S có 2 con chung là cháu Nguyễn Băng B, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Nguyễn Bảo Á, sinh ngày 13/12/2016. Hiện hai cháu đang sinh sống cùng chị N tại xóm P, xã Đ, huyện Y. Ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu đến khi thành niên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh S không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S về vấn đề nuôi con. Hội đồng xét xử thấy con chung từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị N trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng, các cháu được sinh sống ổn định và phát triển toàn diện; quá trình xác minh tại địa phương cũng thể hiện việc cả hai cháu lâu nay sinh sống cùng chị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai con chung đều trên 07 tuổi, có lời khai thể hiện mong muốn tiếp tục được ở với chị N đến khi trưởng thành; hơn nữa con chung đều là con gái, nên việc giao cháu Nguyễn Băng B và cháu Nguyễn Bảo Á cho chị N tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quá trình phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu và phù hợp với đề nghị của V đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

2.3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 khoản 2, Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 51; 54; 56; khoản 1 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Băng B, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Nguyễn Bảo Á, sinh ngày 13/12/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn S do chị Nguyễn Thị N không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm non, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002798 ngày 07/05/2024. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

Trần Quốc Đâu Nguyễn Thị Xuân Oanh

Hồ Phước Linh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Vinh;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- UBND xã Nghi Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Phước Linh